**TIỂU SỬ CHỦ TỊCH TÔN ĐỨC THẮNG**

**Tôn Đức Thắng** ([20 tháng 8](https://vi.wikipedia.org/wiki/20_th%C3%A1ng_8) năm [1888](https://vi.wikipedia.org/wiki/1888) - [30 tháng 3](https://vi.wikipedia.org/wiki/30_th%C3%A1ng_3) năm [1980](https://vi.wikipedia.org/wiki/1980)) là một nhà cách mạng, [chính khách](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ch%C3%ADnh_kh%C3%A1ch) của [Việt Nam](https://vi.wikipedia.org/wiki/Vi%E1%BB%87t_Nam). Ông là Chủ tịch nước thứ hai của Việt Nam (từ ngày [22 tháng 9](https://vi.wikipedia.org/wiki/22_th%C3%A1ng_9) năm [1969](https://vi.wikipedia.org/wiki/1969) đến khi qua đời); trước đó là Phó Chủ tịch nước (1960-1969) và Quyền Chủ tịch nước (từ [2 tháng 9](https://vi.wikipedia.org/wiki/2_th%C3%A1ng_9) cho đến [22 tháng 9](https://vi.wikipedia.org/wiki/22_th%C3%A1ng_9) năm [1969](https://vi.wikipedia.org/wiki/1969)), [Trưởng ban Thường trực Quốc hội](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ch%E1%BB%A7_t%E1%BB%8Bch_Qu%E1%BB%91c_h%E1%BB%99i_Vi%E1%BB%87t_Nam) (1955-1960) - tương đương với [Chủ tịch Quốc hội](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ch%E1%BB%A7_t%E1%BB%8Bch_Qu%E1%BB%91c_h%E1%BB%99i_Vi%E1%BB%87t_Nam) bây giờ.

Sau khi kế nhiệm [Hồ Chí Minh](https://vi.wikipedia.org/wiki/H%E1%BB%93_Ch%C3%AD_Minh), ông trở thành Chủ tịch nước thứ 2 và cũng là Chủ tịch nước cuối cùng của nước [Việt Nam Dân chủ Cộng hòa](https://vi.wikipedia.org/wiki/Vi%E1%BB%87t_Nam_D%C3%A2n_ch%E1%BB%A7_C%E1%BB%99ng_h%C3%B2a), đồng thời là Chủ tịch nước đầu tiên của nước [Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam](https://vi.wikipedia.org/wiki/Vi%E1%BB%87t_Nam).

**1. Thân thế**

Tôn Đức Thắng còn có bí danh **Thoại Sơn**, sinh ngày [20 tháng 8](https://vi.wikipedia.org/wiki/20_th%C3%A1ng_8) năm [1888](https://vi.wikipedia.org/wiki/1888) tại [Cù lao Ông Hổ](https://vi.wikipedia.org/wiki/C%C3%B9_lao_%C3%94ng_H%E1%BB%95), làng Mỹ Hoà Hưng, tổng Định Thành, hạt Long Xuyên (nay thuộc xã [Mỹ Hòa Hưng](https://vi.wikipedia.org/wiki/M%E1%BB%B9_H%C3%B2a_H%C6%B0ng), thành phố [Long Xuyên](https://vi.wikipedia.org/wiki/Long_Xuy%C3%AAn), tỉnh [An Giang](https://vi.wikipedia.org/wiki/An_Giang)). Nơi thường trú tại quận [Nam Từ Liêm](https://vi.wikipedia.org/wiki/Nam_T%E1%BB%AB_Li%C3%AAm), thủ đô [Hà Nội](https://vi.wikipedia.org/wiki/H%C3%A0_N%E1%BB%99i). Là con đầu của ông [Tôn Văn Đề](https://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=T%C3%B4n_V%C4%83n_%C4%90%E1%BB%81&action=edit&redlink=1), và bà [Nguyễn Thị Dị](https://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Nguy%E1%BB%85n_Th%E1%BB%8B_D%E1%BB%8B&action=edit&redlink=1). Gia đình đông con, theo thông lệ miền Nam, ông còn được gọi là **Hai Thắng**.

Gia đình ông thuộc hạng nông dân khá giả nên từ nhỏ ông đã được học hành đàng hoàng. Năm [1906](https://vi.wikipedia.org/wiki/1906), sau khi tốt nghiệp Sơ cấp tiểu học Đông Dương (Certificat d'Etudes Primaires Complémentaires Indochinoises - **CEPCI**) tại Long Xuyên, ông rời quê lên [Sài Gòn](https://vi.wikipedia.org/wiki/Th%C3%A0nh_ph%E1%BB%91_H%E1%BB%93_Ch%C3%AD_Minh) học nghề thợ máy tại [Trường Cơ khí Á Châu](https://vi.wikipedia.org/wiki/Tr%C6%B0%E1%BB%9Dng_Cao_%C4%91%E1%BA%B3ng_K%E1%BB%B9_thu%E1%BA%ADt_Cao_Th%E1%BA%AFng) (L’école des Mécaniciens Asiatiques), dân gian thường gọi là Trường Bá Nghệ. Tốt nghiệp hạng ưu, ông được nhận vào làm công nhân ở [Nhà máy Ba Son](https://vi.wikipedia.org/wiki/X%C6%B0%E1%BB%9Fng_%C4%91%C3%B3ng_t%C3%A0u_Ba_Son) của [Hải quân Pháp](https://vi.wikipedia.org/wiki/H%E1%BA%A3i_qu%C3%A2n_Ph%C3%A1p) tại [Sài Gòn](https://vi.wikipedia.org/wiki/Th%C3%A0nh_ph%E1%BB%91_H%E1%BB%93_Ch%C3%AD_Minh).

**2. Hoạt động chính trị**

Năm [1912](https://vi.wikipedia.org/wiki/1912), ông tham gia tổ chức công nhân [bãi công](https://vi.wikipedia.org/wiki/%C4%90%C3%ACnh_c%C3%B4ng) đòi quyền lợi, vì vậy bị sa thải. Năm [1913](https://vi.wikipedia.org/wiki/1913), ông sang Pháp làm công nhân ở [Toulon](https://vi.wikipedia.org/wiki/Toulon) ([Pháp](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ph%C3%A1p)). Năm 1914, ông được tuyển mộ làm lính thợ cho một đơn vị Hải quân Pháp, tham gia phản chiến chống lại cuộc can thiệp của [Đế quốc Pháp](https://vi.wikipedia.org/wiki/%C4%90%E1%BA%BF_qu%E1%BB%91c_Ph%C3%A1p) vào nước [Nga](https://vi.wikipedia.org/wiki/Nga) [Xô Viết](https://vi.wikipedia.org/wiki/X%C3%B4_vi%E1%BA%BFt) tại [Hắc Hải](https://vi.wikipedia.org/wiki/Bi%E1%BB%83n_%C4%90en) (ngày 20 tháng 4 năm 1919), treo cờ đỏ trên một [thiết giáp hạm](https://vi.wikipedia.org/wiki/Thi%E1%BA%BFt_gi%C3%A1p_h%E1%BA%A1m) của Pháp tại đây để ủng hộ [Cách mạng Nga](https://vi.wikipedia.org/wiki/C%C3%A1ch_m%E1%BA%A1ng_Nga).

Năm [1920](https://vi.wikipedia.org/wiki/1920), ông về nước, xây dựng cơ sở công hội (tiền thân của [Công đoàn Việt Nam](https://vi.wikipedia.org/wiki/C%C3%B4ng_%C4%91o%C3%A0n_Vi%E1%BB%87t_Nam)), vận động công nhân đấu tranh, tiêu biểu là cuộc bãi công của công nhân Ba Son từ tháng 8 đến tháng 11 năm 1925, quyết tâm trì hoãn việc sửa chữa chiếc Đô đốc hạm Jules Michelet trong đoàn tàu chiến Pháp đang trên đường sang [Trung Quốc](https://vi.wikipedia.org/wiki/Trung_Qu%E1%BB%91c).

Năm [1927](https://vi.wikipedia.org/wiki/1927), ông tham gia [Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên](https://vi.wikipedia.org/wiki/H%E1%BB%99i_Vi%E1%BB%87t_Nam_C%C3%A1ch_m%E1%BA%A1ng_Thanh_ni%C3%AAn), là Ủy viên Ban Chấp hành Thành bộ Sài Gòn và Kỳ bộ Nam Kỳ, và được phân công trực tiếp phụ trách phong trào công nhân Sài Gòn - Chợ Lớn. Ông bị [thực dân Pháp](https://vi.wikipedia.org/wiki/%C4%90%E1%BA%BF_qu%E1%BB%91c_th%E1%BB%B1c_d%C3%A2n_Ph%C3%A1p) bắt ở Sài Gòn (1928), cảnh sát thực dân Pháp gán cho ông vào tội chủ mưu giết người trong vụ ám sát một người hợp tác với chính quyền thuộc địa Nam Kỳ tên là Phát do các đồng chí của ông thực hiện, đường Barbier (nay là đường Thạch Thị Thanh). Nhờ có một đồng chí trẻ tự nhận là chủ mưu, cùng với sự vận động của một số nhân sĩ trí thức người Việt như bà Trần Thị Cừu, Đốc học Nguyễn Văn Bá, luật sư [Trịnh Đình Thảo](https://vi.wikipedia.org/wiki/Tr%E1%BB%8Bnh_%C4%90%C3%ACnh_Th%E1%BA%A3o), nên ông chỉ bị chính quyền thuộc địa tuyên án chung thân khổ sai, đày ra [Côn Đảo](https://vi.wikipedia.org/wiki/C%C3%B4n_%C4%90%E1%BA%A3o).[[3]](https://vi.wikipedia.org/wiki/T%C3%B4n_%C4%90%E1%BB%A9c_Th%E1%BA%AFng#cite_note-3) Có tổng cộng hơn 60 người bị bắt trong vụ án này, theo hồi ký *Passion, Betrayal, and Revolution in Colonial Saigon: The Memoirs of Bao Luong*, của bà [Nguyễn Trung Nguyệt](https://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Nguy%E1%BB%85n_Trung_Nguy%E1%BB%87t&action=edit&redlink=1) (Bảo Lương).

Năm [1930](https://vi.wikipedia.org/wiki/1930), ông gia nhập Đảng Cộng sản Việt Nam tại Côn Đảo.

Theo ông Christoph Giebel, [giáo sư](https://vi.wikipedia.org/wiki/Gi%C3%A1o_s%C6%B0) khoa Sử tại [Đại học Washington](https://vi.wikipedia.org/wiki/%C4%90%E1%BA%A1i_h%E1%BB%8Dc_Washington), [Hoa Kỳ](https://vi.wikipedia.org/wiki/Hoa_K%E1%BB%B3) và là tác giả cuốn sách nghiên cứu về ông Tôn Đức Thắng ("Tiền bối tưởng tượng của những nhà Cộng sản Việt Nam: Tôn Đức Thắng và chính trị của lịch sử và ký ức" - *Imagined Ancestries of Vietnamese Communism: Ton Duc Thang and the Politics of History and Memory*) cho rằng "không có bằng chứng cho thấy ngay từ thời rất trẻ, thậm chí trước cả thời [Chiến tranh thế giới thứ nhất](https://vi.wikipedia.org/wiki/Chi%E1%BA%BFn_tranh_th%E1%BA%BF_gi%E1%BB%9Bi_th%E1%BB%A9_nh%E1%BA%A5t), ông Tôn đã hoạt động rất tích cực trong các hoạt động cách mạng tại Sài Gòn", ông Tôn không bị bắt lính sang Pháp năm 1914 mà được tuyển mộ. Trong sự kiện ở Hắc Hải năm 1919, Giebel "tin rằng ông Tôn Đức Thắng không có mặt trên bất kì con tàu nào của Pháp liên quan vụ binh biến ở Hắc Hải", bộ máy tuyên truyền đã dùng hình ảnh ông Tôn cắm cờ trên một trong những con tàu ở Hắc Hải để kết nối cách mạng Việt Nam với [Cách mạng tháng Mười](https://vi.wikipedia.org/wiki/C%C3%A1ch_m%E1%BA%A1ng_Th%C3%A1ng_M%C6%B0%E1%BB%9Di) Nga. Trong cuộc đình công ở Ba Son năm 1925, theo Giebel không phải là một cuộc đình công chính trị với mục đích chống đế quốc, và cũng không "giam chân" được chiến hạm Pháp trên đường đến [Trung Quốc](https://vi.wikipedia.org/wiki/Trung_Qu%E1%BB%91c).

Sau [Cách mạng tháng Tám](https://vi.wikipedia.org/wiki/C%C3%A1ch_m%E1%BA%A1ng_th%C3%A1ng_T%C3%A1m) [1945](https://vi.wikipedia.org/wiki/1945), ông trở về [Nam Bộ](https://vi.wikipedia.org/wiki/Nam_B%E1%BB%99_Vi%E1%BB%87t_Nam) tham gia kháng chiến, giữ chức Bí thư Xứ ủy Nam Bộ (1945). Ông là [Đại biểu Quốc hội](https://vi.wikipedia.org/wiki/%C4%90%E1%BA%A1i_bi%E1%BB%83u_Qu%E1%BB%91c_h%E1%BB%99i) liên tục các khóa I-VI.

Năm 1946: [Phó ban Thường trực Quốc hội](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ph%C3%B3_Ch%E1%BB%A7_t%E1%BB%8Bch_Qu%E1%BB%91c_h%E1%BB%99i_Vi%E1%BB%87t_Nam) (1946-1955). Đại biểu Quốc hội khóa I [nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa](https://vi.wikipedia.org/wiki/Vi%E1%BB%87t_Nam_D%C3%A2n_ch%E1%BB%A7_C%E1%BB%99ng_h%C3%B2a), Phó Hội trưởng [Hội Liên hiệp Quốc dân Việt Nam](https://vi.wikipedia.org/wiki/H%E1%BB%99i_Li%C3%AAn_hi%E1%BB%87p_Qu%E1%BB%91c_d%C3%A2n_Vi%E1%BB%87t_Nam) (1946-1951).

Năm 1947: [Thanh tra đặc biệt toàn quốc](https://vi.wikipedia.org/wiki/T%E1%BB%95ng_Thanh_tra_Ch%C3%ADnh_ph%E1%BB%A7_Vi%E1%BB%87t_Nam) (tháng 8 năm 1947), quyền [Bộ trưởng Bộ Nội vụ](https://vi.wikipedia.org/wiki/B%E1%BB%99_tr%C6%B0%E1%BB%9Fng_B%E1%BB%99_N%E1%BB%99i_v%E1%BB%A5_(Vi%E1%BB%87t_Nam)) (tháng 5 năm 1947-tháng 11 năm 1947).

Năm 1948: Quyền [Trưởng Ban Thường trực Quốc hội](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ch%E1%BB%A7_t%E1%BB%8Bch_Qu%E1%BB%91c_h%E1%BB%99i_Vi%E1%BB%87t_Nam) (1948-1955), Trưởng Ban Vận động thi đua ái quốc Trung ương.

Năm 1950: Chủ tịch Hội hữu nghị Việt - Xô.

Năm 1951: Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Chủ tịch [Mặt trận Liên Việt](https://vi.wikipedia.org/wiki/M%E1%BA%B7t_tr%E1%BA%ADn_Li%C3%AAn_Vi%E1%BB%87t) (1951-1955) trong cuộc nổi dậy chống Pháp từ năm 1946 đến năm 1954. Tuy nhiên, tổ chức này đã bị giải thể sau [Công ước Geneva](https://vi.wikipedia.org/wiki/C%C3%B4ng_%C6%B0%E1%BB%9Bc_Geneva) năm 1954 trao cho [Việt Minh](https://vi.wikipedia.org/wiki/Vi%E1%BB%87t_Minh) duy nhất kiểm soát [Bắc Việt Nam](https://vi.wikipedia.org/wiki/B%E1%BA%AFc_Vi%E1%BB%87t_Nam). Sau đó ông tiếp quản một tổ chức khác, [Mặt trận Tổ quốc Việt Nam](https://vi.wikipedia.org/wiki/M%E1%BA%B7t_tr%E1%BA%ADn_T%E1%BB%95_qu%E1%BB%91c_Vi%E1%BB%87t_Nam), một nhóm dân tộc chủ nghĩa thân Cộng sản. Thắng đã lãnh đạo Mặt trận Tổ quốc trong cuộc chinh phục để thu hút những người ủng hộ từ [miền Nam Việt Nam](https://vi.wikipedia.org/wiki/Vi%E1%BB%87t_Nam_C%E1%BB%99ng_h%C3%B2a). Kết quả là ông đã nhận được Giải thưởng Hòa bình của Stalin vào năm 1955.

Năm 1955: [Trưởng Ban Thường trực Quốc hội](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ch%E1%BB%A7_t%E1%BB%8Bch_Qu%E1%BB%91c_h%E1%BB%99i_Vi%E1%BB%87t_Nam) (1955-1960), Chủ tịch Đoàn Chủ tịch [Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam](https://vi.wikipedia.org/wiki/%E1%BB%A6y_ban_Trung_%C6%B0%C6%A1ng_M%E1%BA%B7t_tr%E1%BA%ADn_T%E1%BB%95_qu%E1%BB%91c_Vi%E1%BB%87t_Nam) (1955-1977), Ủy viên Ủy ban Bảo vệ Hòa bình thế giới, Chủ tịch danh dự Ủy ban Bảo vệ Hòa bình thế giới của Việt Nam.

Từ năm 1960-1969: [Phó Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ph%C3%B3_Ch%E1%BB%A7_t%E1%BB%8Bch_n%C6%B0%E1%BB%9Bc_C%E1%BB%99ng_h%C3%B2a_x%C3%A3_h%E1%BB%99i_ch%E1%BB%A7_ngh%C4%A9a_Vi%E1%BB%87t_Nam). Trong giai đoạn này, công việc chính ông là cố gắng giành lại miền Nam Việt Nam cũng giúp đưa ông trở thành [Phó Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ph%C3%B3_Ch%E1%BB%A7_t%E1%BB%8Bch_n%C6%B0%E1%BB%9Bc_Vi%E1%BB%87t_Nam) dưới thời Hồ Chí Minh vào năm 1960.

Năm 1967, khi ông vẫn còn là phó chủ tịch, Thắng đã giành được [Giải Hòa bình Lênin](https://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Gi%E1%BA%A3i_H%C3%B2a_b%C3%ACnh_L%C3%AAnin&action=edit&redlink=1), một giải thưởng hàng năm tương tự như [Giải Nobel Hòa bình](https://vi.wikipedia.org/wiki/Gi%E1%BA%A3i_Nobel_H%C3%B2a_b%C3%ACnh), nhưng được trao bởi [Liên Xô](https://vi.wikipedia.org/wiki/Li%C3%AAn_X%C3%B4). Sau khi Hồ Chí Minh qua đời năm 1969, Tôn Đức Thắng kế nhiệm ông làm chủ tịch nước. Tuy nhiên, hầu hết quyền lực thực sự được trao cho lãnh đạo Đảng Cộng sản [Lê Duẩn](https://vi.wikipedia.org/wiki/L%C3%AA_Du%E1%BA%A9n).

Từ năm 1976-1980: [Chủ tịch nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ch%E1%BB%A7_t%E1%BB%8Bch_n%C6%B0%E1%BB%9Bc_C%E1%BB%99ng_h%C3%B2a_x%C3%A3_h%E1%BB%99i_ch%E1%BB%A7_ngh%C4%A9a_Vi%E1%BB%87t_Nam), Chủ tịch danh dự [Mặt trận Tổ quốc Việt Nam](https://vi.wikipedia.org/wiki/M%E1%BA%B7t_tr%E1%BA%ADn_T%E1%BB%95_qu%E1%BB%91c_Vi%E1%BB%87t_Nam) (1977-1980).

Về mặt Đảng, ông là Ủy viên [Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ban_Ch%E1%BA%A5p_h%C3%A0nh_Trung_%C6%B0%C6%A1ng_%C4%90%E1%BA%A3ng_C%E1%BB%99ng_s%E1%BA%A3n_Vi%E1%BB%87t_Nam) từ năm 1947, và khóa [II](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ban_Ch%E1%BA%A5p_h%C3%A0nh_Trung_%C6%B0%C6%A1ng_%C4%90%E1%BA%A3ng_C%E1%BB%99ng_s%E1%BA%A3n_Vi%E1%BB%87t_Nam_kh%C3%B3a_II) đến khóa [IV](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ban_Ch%E1%BA%A5p_h%C3%A0nh_Trung_%C6%B0%C6%A1ng_%C4%90%E1%BA%A3ng_C%E1%BB%99ng_s%E1%BA%A3n_Vi%E1%BB%87t_Nam_kho%C3%A1_IV), nhưng không tham gia Bộ Chính trị.

Trong các văn kiện của nhà nước Việt Nam, báo chí của Nhà nước, giai đoạn ông làm Chủ tịch nước, tên ông bao giờ cũng được đặt lên đầu, trên cả Tổng bí thư Lê Duẩn và các lãnh đạo khác.

Ông kết hôn với bà [Đoàn Thị Giàu](https://vi.wikipedia.org/wiki/%C4%90o%C3%A0n_Th%E1%BB%8B_Gi%C3%A0u) (sinh năm 1898 tại ấp Vĩnh Hòa, xã [Vĩnh Kim](https://vi.wikipedia.org/wiki/V%C4%A9nh_Kim,_Ch%C3%A2u_Th%C3%A0nh_(Ti%E1%BB%81n_Giang)), huyện [Châu Thành](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ch%C3%A2u_Th%C3%A0nh,_Ti%E1%BB%81n_Giang), tỉnh [Tiền Giang](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ti%E1%BB%81n_Giang); mất ngày 25 tháng 5 năm 1974) vào năm 1921 ở nhà ông bà ngoại của bà Giàu ở xã Vĩnh Kim, Tiền Giang. Đây là cuộc hôn nhân có ý nghĩa đền ơn trả nghĩa vì ông đã giúp an táng ông Ba Sứ, anh trai bà Giàu, một người bạn của ông ở Pháp. Bà Đoàn Thị Giàu là cô giáo trường làng.

Hai người sinh được hai con gái, con gái đầu là Tôn Thị Hạnh, sinh năm 1924 và con gái thứ hai là Tôn Thị Nghiêm, sinh năm 1928. Đầu năm 1929, hai ông bà sinh con trai thứ ba tên là Tôn Đức Liêm, nhưng Liêm đã qua đời lúc 3 tuổi vì bị bệnh nặng.

Bà Tôn Thị Hạnh kết hôn với ông Dương Văn Phúc, nguyên là Phó Chủ nhiệm [Văn phòng Chính phủ](https://vi.wikipedia.org/wiki/V%C4%83n_ph%C3%B2ng_Ch%C3%ADnh_ph%E1%BB%A7), vào năm 1950. Sau ngày toàn quốc kháng chiến 19 tháng 12 năm 1946, Tôn Thị Hạnh và Tôn Thị Nghiêm theo cha lên [chiến khu Việt Bắc](https://vi.wikipedia.org/wiki/Chi%E1%BA%BFn_khu_Vi%E1%BB%87t_B%E1%BA%AFc). Tôn Thị Hạnh làm văn thư lưu trữ còn Tôn Thị Nghiêm làm điện báo viên ở Văn phòng Trung ương.

Bà Tôn Thị Nghiêm kết hôn với ông Tưởng Bích Trúc, [Phó Tiến sĩ](https://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Ph%C3%B3_Ti%E1%BA%BFn_s%C4%A9&action=edit&redlink=1), Chủ nhiệm khoa [Đại học Y Hà Nội](https://vi.wikipedia.org/wiki/%C4%90%E1%BA%A1i_h%E1%BB%8Dc_Y_H%C3%A0_N%E1%BB%99i). Vợ chồng bà Tôn Thị Nghiêm đã mất vào thập niên 1980, ít năm sau khi Tôn Đức Thắng qua đời. Hai người có ba con gái (Tưởng Bích Vân, Tưởng Bích Hà và Tưởng Hoài Nam).

Năm 1946, Tôn Đức Thắng nhận nuôi hai người con gái nuôi là Tôn Thị Ngọc Quang, sinh năm 1927 (không phải họ Tôn, sau 1954 đổi sang họ Tôn) và Tôn Thị Tuyết Dung, sinh năm 1933. Bà Tôn Thị Ngọc Quang làm y tá ở một Viện quân y ở huyện [Thanh Chương](https://vi.wikipedia.org/wiki/Thanh_Ch%C6%B0%C6%A1ng), tỉnh [Nghệ An](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ngh%E1%BB%87_An), và kết hôn với Nguyễn Thanh Phúc, quê [Quảng Trị](https://vi.wikipedia.org/wiki/Qu%E1%BA%A3ng_Tr%E1%BB%8B), chiến sĩ tình nguyện Việt Nam tại [Lào](https://vi.wikipedia.org/wiki/L%C3%A0o). Hai người có một con gái (Nguyễn Thanh Thanh) và hai con trai (Nguyễn Thanh Bình và Nguyễn Thanh Phong)

Tôn Đức Thắng qua đời lúc 6 giờ 35 phút ngày [30 tháng 3](https://vi.wikipedia.org/wiki/30_th%C3%A1ng_3) năm [1980](https://vi.wikipedia.org/wiki/1980). [Trung ương Đảng](https://vi.wikipedia.org/wiki/Trung_%C6%B0%C6%A1ng_%C4%90%E1%BA%A3ng_C%E1%BB%99ng_s%E1%BA%A3n_Vi%E1%BB%87t_Nam), [Quốc hội](https://vi.wikipedia.org/wiki/Qu%E1%BB%91c_h%E1%BB%99i_Vi%E1%BB%87t_Nam), [Chính phủ](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ch%C3%ADnh_ph%E1%BB%A7_Vi%E1%BB%87t_Nam) và [Đoàn Chủ tịch Uỷ ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam](https://vi.wikipedia.org/wiki/%E1%BB%A6y_ban_Trung_%C6%B0%C6%A1ng_M%E1%BA%B7t_tr%E1%BA%ADn_T%E1%BB%95_qu%E1%BB%91c_Vi%E1%BB%87t_Nam) quyết định tổ chức [lễ quốc tang](https://vi.wikipedia.org/wiki/Qu%E1%BB%91c_tang_t%E1%BA%A1i_Vi%E1%BB%87t_Nam) ông với nghi thức trọng thể nhất trong 5 ngày từ ngày 1 đến ngày 5-4-1980. Ông được an táng tại [Nghĩa trang Mai Dịch](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ngh%C4%A9a_trang_Mai_D%E1%BB%8Bch), [Hà Nội](https://vi.wikipedia.org/wiki/H%C3%A0_N%E1%BB%99i).